

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô D11 (đường Tuệ Tĩnh), khu vực 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

Cơ sở 2: Số 822 đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, tỉnh An Giang

Điện thoại: 0297.3918677;

Fax: 0297.3918677

Số: 703/25/PKQ-QTAG

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Phòng thử nghiệm được chỉ định của Bộ Tài nguyên và Môi trường
theo Giấy chứng nhận số 71/GCN-BTNMT ngày 05/12/2024 (Vimcerts 181)

Ngày: 17/12/2025

- Tên mẫu và ký hiệu : **Nước thải, N34 (708D/NT/IV-25)**
- Ngày nhận mẫu : 28/11/2025
- Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong can nhựa, chai thủy tinh và được bảo quản theo HD11
- Nơi yêu cầu nhận mẫu : **CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – CO.OP MART HÀ TIÊN**
- Phường Hà Tiên, tỉnh An Giang.
- Địa điểm lấy mẫu : Tại đường Mạc Công Du, khu phố 2, phường Hà Tiên, tỉnh An Giang - Dự án “Siêu thị Co.opmart Hà Tiên” - Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí – Co.opmart Hà Tiên – Số 20, đường Mạc Công Du, khu phố 2, phường Hà Tiên, tỉnh An Giang. (X:1148 269; Y:0498569)
- Thử nghiệm tại hiện trường : Không ☐; Có ☒
- Thời gian thử nghiệm : Từ 29/11/2025 đến 12/12/2025
- Lấy mẫu : Không ☐; Có ☒
- Lưu mẫu : Không ☒; Có ☐ đến ngày:
- Kết quả thử nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2)
1	pH ⁽³⁾	-	TCVN 6492: 2011	6,33	5,5 – 9
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	22	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	19	120
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽³⁾	mg/L	SMEWW 2540C: 2023	311	1.200
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500 NH ₃ -B&F:2023	5,5	12
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,51	60
7	Phosphat (PO ₄ ⁻ tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	0,88	12

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô D11 (đường Tuệ Tĩnh), khu vực 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

Cơ sở 2: Số 822 đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, tỉnh An Giang

Điện thoại: 0297.3918677;

Fax: 0297.3918677

Số: 703/25/PKQ-QTAG

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Phòng thử nghiệm được chỉ định của Bộ Tài nguyên và Môi trường
theo Giấy chứng nhận số 71/GCN-BTNMT ngày 05/12/2024 (Vimcerts 181)

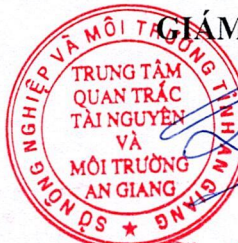
Ngày: 17/12/2025

TT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2)
8	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1.400	5.000
9	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (LOQ=0,60)	4,8
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOQ=4,5)	24
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	SMEWW 5540C:2023	0,57	12

Ghi chú: (3): Chỉ tiêu đo trực tiếp tại hiện trường; -: Không quy định; KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng; QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; HD11: Hướng dẫn lấy và bảo quản mẫu nước thải.

PHÒNG PHÂN TÍCH
Kiểm soát chất lượng (QA/QC)

Nguyễn Văn Đạt



Nguyễn Thị Hồng Liên



- 1- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- 3- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường.